CÁC MÔ HÌNH BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC QUA CÁC THỜI KỲ PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM - HỘI NHẬP CÙNG PHÁT TRIỂN

Đinh Thị Phương Hoa
Trường Đại học Luật Hà Nội

Tóm tắt: *Bài viết tập trung giới thiệu và phân tích các mô hình bảo đảm chất lượng giáo dục đại học tiêu biểu trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Thông qua việc khảo sát và so sánh các mô hình bảo đảm chất lượng như ISO 9000, TQM, EFQM,.. và các tổ chức đánh giá chất lượng giáo dục đại học quốc tế, tác giả đã làm rõ các đặc điểm, cấu trúc và cơ chế vận hành của từng mô hình, từ đó rút ra những bài học có giá trị cho bối cảnh kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam. Bài viết cũng chỉ ra vai trò của các yếu tố cấu thành nên hệ thống bảo đảm chất lượng, bao gồm: Bảo đảm chất lượng nội bộ, bảo đảm chất lượng bên ngoài và các tổ chức kiểm định độc lập. Trên cơ sở đánh giá thực trạng triển khai bảo đảm chất lượng trong các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam hiện nay, bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần cải thiện chất lượng và thúc đẩy sự phát triển ổn định của hoạt động bảo đảm chất lượng trong nước. Các giải pháp bao gồm: Xây dựng văn hoá chất lượng trong nội bộ các trường đại học, thúc đẩy hoạt động tự đánh giá và kiểm định ngoài, và tăng cường năng lực, tính độc lập của các tổ chức kiểm định trong nước, hướng tới việc tiệm cận các chuẩn mực khu vực và quốc tế.*

Từ khóa: *Bảo đảm chất lượng, giáo dục đại học, kiểm định chất lượng, mô hình bảo đảm chất lượng, Việt Nam.*

Nhận bài ngày 15.06.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 28.8.2025
Liên hệ tác giả: Đinh Thị Phương Hoa; email: dinhphuonghoa.ecas@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục đại học (GDĐH) đang chuyển động dưới tác động của những động lực mới, đó là: sự gia tăng nhu cầu nhập học, việc đa dạng hoá các loại trường và nguồn cung ứng, hợp tác giữa các nhà trường và liên kết mạng, nhu cầu học tập suốt đời, tác động của công nghệ thông tin và truyền thông, trách nhiệm xã hội của các trường đại học, sự thay đổi trong vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước. Về cơ bản các động lực trên là biểu hiện cụ thể của một thế giới toàn cầu hoá trong GDĐH. Theo cách nói của Friedman (2005) [1], đó là một thế giới phẳng trong đó các rào cản về địa lý, kinh tế và chính trị đang dần dần được dỡ bỏ. Thế giới phẳng này cũng đang làm "phẳng hoá" giáo dục (GD) nghĩa là tạo ra một sân chơi GD bằng phẳng, liên kết mạng, nơi mọi người đều có thể học hỏi, trau dồi kiến thức, phát triển kỹ năng, và mọi quốc gia, tổ chức đều có thể tham gia cung ứng GD, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh bình đẳng (Phạm Đỗ Nhật Tiến, 2012) [2]. Chất lượng giáo dục (CLGD) cũng vì thế mà chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, cao hơn và phức tạp hơn - đó là CLGD trong đó có chất lượng GDĐH luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của xã hội bởi sản phẩm của GD là con người và nó ảnh hưởng gần như toàn bộ đến sự phát triển hay tụt hậu của một quốc gia. Chính vì vậy, đầu tư cho GD chính là đầu tư cho sự phát triển bền vững.

Để đối mặt được với các thách thức và cơ hội của tiến trình hội nhập quốc tế về GD đó thì mỗi quốc gia cần tìm ra cho chính mình các chính sách và chiến lược cần thiết để GDĐH thực hiện được tốt nhất sứ mệnh của mình trong việc sản sinh, truyền bá và áp dụng tri thức, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong bối cảnh này, bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học (CS GDĐH) tại Việt Nam hiện đang là một vấn đề cấp bách đang được Đảng, Nhà nước và xã hội hết sức quan tâm. Do đó, trong buổi làm việc đầu tiên với 63 Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo toàn quốc vào ngày 20 tháng 05 năm 2016, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thống nhất và khẳng định: "*Tổ chức quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo; Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Tổ chức phân luồng trong giáo dục; ...; Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục; Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Đồng thời, tổ chức thực hiện tốt một số nhiệm vụ được xã hội hết sức quan tâm như: Đổi mới chương trình, sách giáo khoa; Đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, thi cử*…". Như vậy, những điều này cũng cho ta thấy nhu cầu bức thiết hiện tại đòi hỏi GD phải phát triển, phải tự đổi mới mình để có thể đáp ứng được mục tiêu của đất nước. Đổi mới GD nghĩa đồng nghĩa với việc coi trọng và phát triển ĐBCL trong GDDH.Đảm bảo chất lượng là một khâu quan trọng trong tổng thể các hoạt động liên quan đến hoạt động dạy học của mọi nhà trường. Bảo đảm chất lượng giúp nhà trường, người dạy cũng như toàn xã hội có thể tiếp nhận được những phản hồi tích cực trong việc thu thập thông tin để nắm bắt sự tiếp thu kiến thức và kỹ năng của người học, góp phần điều chỉnh hoạt động đào tạo của nhà trường và hoạt động dạy học của người dạy. Bảo đảm chất lượng giúp các nhà quản lý có được các thông tin cần thiết để có thể đề ra các chính sách phù hợp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường và khuyến khích nhà trường có những đổi mới hợp lý.

Từ thực tiễn CLGD đào tạo hiện nay cho thấy việc triển khai công tác bảo đảm chất lượng của nhiều cơ sở GDĐH tại Việt nam vẫn chưa tương xứng với yêu cầu về chất lượng và hiệu quả GD, chưa tiếp cận được với các tiêu chuẩn hiện hành. Thậm chí số ít các cơ sở GDĐH còn chưa thực sự coi trọng việc triển khai công tác bảo đảm chất lượng tại cơ sở của mình. Do đó, triển khai công tác bảo đảm chất lượng là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao một cách toàn diện CLGD - đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, tạo bản sắc riêng và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hoá giáo dục.

2. NỘI DUNG

2.1. Các thành tố của đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

Lý thuyết chủ đạo của bảo đảm chất lượng xuất phát từ lĩnh vực kinh doanh. Quá trình này bắt đầu khi thuyết "*Mười bốn điểm dành cho việc quản lý của Edwards Deming*" (Deming, 1986) [3] được giới thiệu rộng rãi. Sau Deming, Juran (1988; 1989) [4] [5] và Crosby (1979) [6] đã phát triển các ý tưởng nhằm quản lý và củng cố chất lượng trong các tổ chức (Nguyễn Quang Giao, 2010) [7].

2.1.1. Khái niệm đảm bảo chất lượng

Trong môi trường kinh doanh, bảo đảm chất lượng được xem là một quá trình "nơi mà một nhà sản xuất đảm bảo với khách hàng là sản phẩm hay dịch vụ của mình luôn đáp ứng được các chuẩn mực" (Ellis, 1993) [8]. Đồng thời bảo đảm chất lượng cũng là "một cách tiếp cập mà công nghiệp sản xuất sử dụng nhằm đạt được chất lượng tốt nhất… bảo đảm chất lượng là một cách tiếp cận có hệ thống nhằm xác định nhu cầu thị trường và điều chỉnh các phương thức làm việc nhằm đáp ứng được các nhu cầu đó" (Freeman, 1994) [9].

ISO định nghĩa bảo đảm chất lượng như sau: "tất cả các hoạt động có hoạch định hay có hệ thống cần thiết nhằm cung cấp sự đủ tự tin rằng một sản phẩm hay một dịch vụ là đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng". Trong giáo dục đại học, bảo đảm chất lượng được

xem là "tổng số các cơ chế và quy trình được áp dụng nhằm bảo đảm chất lượng đã được định trước hoặc việc cải tiến chất lượng liên tục – bao gồm việc hoạch định, việc xác định, khuyến khích, đánh giá và kiểm soát chất lượng" (Warren Piper, 1993) [10].

Nguyễn Đức Chính (2002) khẳng định: "Bảo đảm chất lượng là quá trình xảy ra trước và trong khi thực hiện. Trong quá trình này thì mối quan tâm của bảo đảm chất lượng là phòng chống những sai phạm có thể xảy ra ngay từ bước đầu tiên. Chất lượng của sản phẩm được thiết kế ngay trong quá trình sản xuất ra nó từ khâu đầu đến khâu cuối theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt đảm bảo không có sai phạm trong bất kỳ khâu nào và phần lớn trách nhiệm thuộc về người lao động" [11].

Trong giáo dục đại học, bảo đảm chất lượng được xác định như các hệ thống, chính sách, thủ tục, quyquy trình, hành động và thái độ được xác định từ trước nhằm đạt được, duy trì, giám sát và củng cố CLGD ở mức chuẩn cho phép nhất định và tìm ra những giải pháp để không ngừng nâng cao và đảm bảo CLGD để nhà trường hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình.

2.1.2. Các thành tố của đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

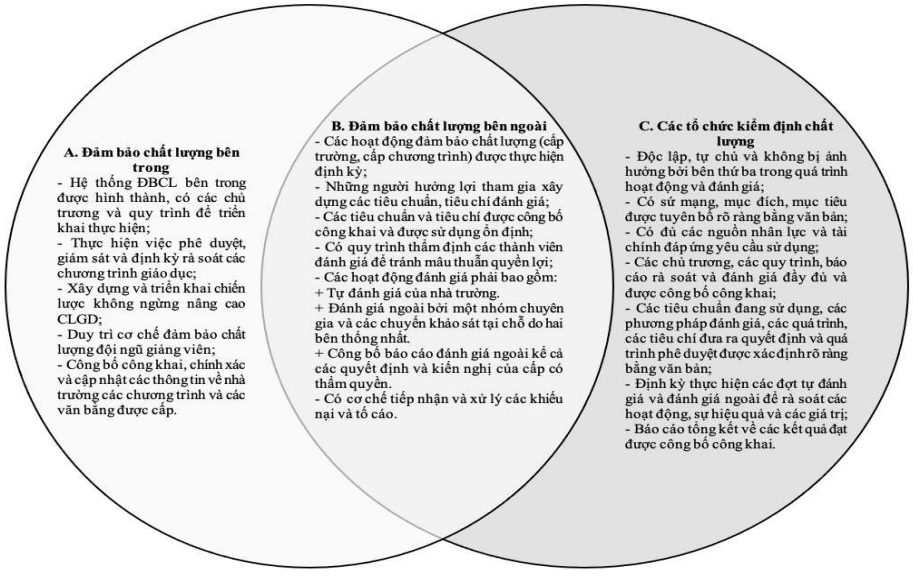
Đảm bảo chất lượng là một trong những phương thức quản lý chất lượng có nguồn gốc từ lý thuyết chủ đạo trong lĩnh vực kinh doanh từ những năm 90 của thế kỷ trước và dần được áp dụng vào lĩnh vực GDĐH trong những năm gần đây. Tuy dựa trên cơ sở lý thuyết chủ đạo bảo đảm chất lượng trong lĩnh vực kinh doanh nhưng bảo đảm chất lượng trong GDĐH có những thành tố nhất định như sau:

- Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của nhà trường (Internal Quality Assurance system - IQA);

- Hệ thống bảo đảm chất lượng bên ngoài nhà trường gồm: hệ thống đánh giá ngoài bao gồm các chủ trương, quy trình và công cụ đánh giá (External Quality Assurance system - EQA);

- Hệ thống các tổ chức đánh giá chất lượng từ bên ngoài (các tổ chức KĐCLGD - Quality assurance centers (QACs)).

Mô hình ĐBCL của Việt Nam cũng không nằm ngoài quỹ đạo này. Mô hình ĐBCL của Việt Nam có nguồn gốc từ hệ thống ĐBCL châu Âu, được Mạng lưới chất lượng châu Á-Thái Bình Dương (APQN) phát triển và khuyến khích áp dụng cho các nước trong khu vực như *Sơ đồ 1* (Phạm Xuân Thanh, 2012) [12] dưới đây:



Sơ đồ 1: Các thành tố của đảm bảo chất lượng giáo dục đại học